TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 35/2018/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 25 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh **Hà Văn Q**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 và anh Hà Văn Q, sinh năm 1986.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hà Văn Q thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hà Văn Q nhất trí thỏa thuận giao con chung là Hà Yến V, sinh ngày 20/9/2011 (C*on khỏe mạnh, phát triển bình thường)* cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 *(Mười tám)* tuổi (Phù hợp với nguyện vọng của con).

Sau khi ly hôn anh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Hà Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải qyết.

2.4. *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hà Văn Q xác nhận không có tài sản nên chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hà Văn Q xác nhận không có nợ chung nên chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị H đã nộp theo biên lai số 08615, ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị H được hoàn trả lại số tiền án phí là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Anh Hà Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện B (01b);
- Chi cục THADS huyện B (01b);
- Đương sự (02b);
- UBND xã H (01b);
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lý Thị Thúy